TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN SÓC SƠN** THÀNH PHỐ HÀ NỘI – – – – – – – –	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 70/2023/HNGĐ - ST
Ngày 25/10/2023
"V/v: Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN SÓC SƠN – TP. HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy Hồng.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Hải Đăng;

Bà Nguyễn Thị Hữu.

- Thư ký phiên tòa: Ông Tô Ngọc Lâm - *Thư ký Tòa án nhân dân huyện Sóc Sơn.*

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Sóc Sơn tham gia phiên tòa: Bà Đỗ Thị Mai Xiêm - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 10 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 197/2023/TLST - HNGĐ ngày 07/4/2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 66/2022/QĐST - HNGĐ ngày 02/10/2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: **Anh Đỗ Lưu N**, sinh năm 1983;

Nơi cư trú: Thôn Hương Đ, xã Mai Đ, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội.

Bị đơn: **Chị Nguyễn Thị N**, sinh năm 1985;

Nơi cư trú: Thôn Hương Đ, xã Mai Đ, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội.

Có mặt anh N, vắng mặt chị N.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện ngày 28/3/2023 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn là anh Đỗ Lưu N trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Nguyễn Thị N đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Mai Đ, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội ngày 22/01/2010 là tự nguyện, không bị lừa dối, ép buộc. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống tại thôn Hương Đ, xã Mai Đ, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội. Quá trình chung sống, anh chị không hạnh phúc, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung nên thường xuyên xảy ra cãi vã. Mâu thuẫn của vợ chồng đã được gia đình hòa giải nhiều lần nhưng không có kết quả. Anh cũng đã có lần phát hiện chị N có quan hệ tình cảm với người khác. Chị N đã xin lỗi anh và gia đình nhưng sau đó không tháy đổi. Nay, anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài nên xin ly hôn chị Nguyễn Thị N để ổn định cuộc sống.

Về con chung: Vợ chồng chị có 03 con chung là Đỗ Trang A, sinh ngày 16/12/2010; cháu Đỗ Thị Kiều A, sinh ngày 11/11/2015; cháu Đỗ Hoàng Anh N, sinh ngày 20/11/2019; hiện các con khỏe mạnh, đang sống cùng anh. Ly hôn, anh có nguyện vọng được trực tiếp nuôi 03 con chung và anh yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi 03 con chung là 3.000.000 đồng/tháng/3con. Hiện anh làm công an viên xã Mai Đ, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội, thu nhập trung bình 1.200.000 đồng/tháng. Ngoài ra, anh có làm sơn, thu nhập không ổn định, bình quân hàng tháng khoảng 5.000.000 đồng.

Về tài sản chung, tài sản riêng, đất nông nghiệp, công nợ, công sức đóng góp: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Tại bản tự khai ngày 17/4/2023 và những lời khai tiếp theo, bị đơn là chị Nguyễn Thị N trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị xác nhận lời khai của anh N về thời gian kết hôn, nơi đăng ký kết hôn và nơi anh chị chung sống. Theo chị, sau khi kết hôn, anh chị chung sống hạnh phúc đến khoảng năm 2019 thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do chị phát hiện anh N có quan hệ với người khác. Chị và gia đình đã nhiều lần khuyên bảo nhưng anh N không thay đổi. Đầu năm 2023, anh N nghi ngờ chị ngoại tình. Từ đó, mâu thuẫn giữa vợ chồng trở nên trầm trọng, anh N nhiều lần gây áp lực cho chị. Đến đầu tháng 9/2023, chị đã về nhà mẹ đẻ ở Đội X, thôn Đông H, xã Nam S, huyện Sóc Sơn, Hà Nội để sinh sống. Anh N xin ly hôn, chị xác định khả năng đoàn tụ của vợ chồng là khó, nhưng chị không đồng ý ly hôn anh N.

Về con chung: Vợ chồng có 03 con chung là Đỗ Trang A, sinh ngày 16/12/2010; cháu Đỗ Thị Kiều A, sinh ngày 11/11/2015; cháu Đỗ Hoàng Anh N, sinh ngày 20/11/2019; hiện các con khỏe mạnh, đang sống cùng anh N. Ly hôn đặt ra, chị đề nghị chị N nuôi 03 con và chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Trước đó, chị yêu cầu chia tài sản chung của vợ chồng là 01 ngôi nhà ba tầng tại thôn Hương Đ, xã Mai Đ, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội. Sau đó chị đã rút yêu cầu và không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về tài sản riêng, đất nông nghiệp, công nợ, công sức đóng góp cho gia đình hai bên: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Do chị bận công việc nên không thể đến Tòa án làm việc được, chị xin vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án và tại phiên tòa.

** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Sóc Sơn tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến*:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và người tham gia tố tụng là anh N, chị N kể từ khi nhận đơn, thụ lý vụ án, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và các đương sự đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về đường lối giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Đỗ Lưu N, cho anh N được ly hôn chị Nguyễn Thị N

- Về con chung: Giao con chung là Đỗ Trang A, sinh ngày 16/12/2010 và cháu Đỗ Hoàng Anh N, sinh ngày 20/11/2019 cho anh N và giao cháu Đỗ Thị Kiều A, sinh ngày 11/11/2015 cho chị Nhưng trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục đến khi con 18 tuổi hoặc có quyết định khác có hiệu lực pháp luật của Tòa án thay thế.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Ghi nhận sự tự nguyện của anh N, chị N không yêu cầu giải quyết.

- Ghi nhận sự tự nguyện của anh N, chị N không yêu cầu giải quyết về tài sản chung, công sức đóng góp, công nợ và đất sản xuất nông nghiệp.

- Về án phí: Anh N phải chịu 150.000 đồng án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét toàn diện ý kiến Viện kiểm sát và đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Về thẩm quyền: Chị Nguyễn Thị N đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn Hương Đ, xã Mai Đ, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội. Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội giải quyết vụ án này là đúng thẩm quyền.

Về sự vắng mặt của chị Nguyễn Thị N: Tòa án đã tống đạt Quyết định đưa vụ án ra xét xử cho chị N theo đúng quy định của pháp luật. Ngày 06/10/2023, chị N đã có đơn xin vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án. Căn cứ khoản 1 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt chị N.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Đỗ Lưu N và chị Nguyễn Thị N kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Mai Đ, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội theo Giấy chứng nhận kết hôn số 18, quyển số 01/2010 ngày 22/01/2010. Hôn nhân giữa anh N và chị N là hợp pháp.

Căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ vụ án thể hiện: Sau khi kết hôn, anh N, chị N chung sống một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, vợ chồng chung sống nhưng không có sự tin tưởng. Mặc dù đã được gia đình nhiều lần hòa giải nhưng anh chị không giải quyết được mâu thuẫn và đã sống ly thân từ đầu tháng 9/2023 đến nay. Quá trình điều tra, chị N xác nhận khả năng đoàn tụ vợ chồng là rất khó, chị không đồng ý ly hôn nhưng chị không đưa ra được biện pháp gì để hàn gắn quan hệ vợ chồng và chị cũng không đến Tòa án tham gia hòa giải để bảo vệ cuộc hôn nhân của mình. Đồng thời, xác minh tại địa phương nơi anh chị cư trua thể hiện, mâu thuẫn giữa anh N, chị N đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh N là phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về con chung: Anh chị có 03 con chung là Đỗ Trang A, sinh ngày 16/12/2010; cháu Đỗ Thị Kiều A, sinh ngày 11/11/2015; cháu Đỗ Hoàng Anh N, sinh ngày 20/11/2019.

Quá trình giải quyết vụ án, ban đầu chị N có nguyện vọng xin được nuôi 03 con chung, sau đó chị thay đổi lời khai đề nghị giao 03 con chung cho anh N nuôi dưỡng; anh N có nguyện vọng xin được nuôi cháu Trang A. Xét thấy, việc

nuôi dưỡng, chăm sóc con chung vừa là quyền, vừa là nghĩa vụ của người làm cha mẹ, anh N, chị N có điều kiện thu nhập như nhau trong việc nuôi dưỡng, chăm sóc con chung, nhưng chị N hiện đang phải sống nhờ trên nhà đất của bố mẹ đẻ tại thôn Đông H, xã Nam S, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội. Đồng thời cháu Trang A có nguyện vọng được sống cùng bố, cháu Kiều A có nguyện vọng được sống cùng mẹ, cháu Anh N là con trai, cần sự dạy bảo của người bố. Do đó để đảm bảo sự phát triển tốt nhất cho trẻ nhỏ, tránh những sáo trộn không cần thiết ảnh hưởng đến tâm lý trẻ, Hội đồng xét xử thấy cần thiết giao 02 con chung là Đỗ Trang A và Đỗ Hoàng Anh N cho anh N và giao con chung là Đỗ Thị Kiều A cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục và tự các bên đảm nhiệm việc nuôi con chung là phù hợp với quy đinh của pháp luật.

[2.3] Về tài sản chung, tài sản riêng, nợ chung, công sức, đất nông nghiệp: Anh N, chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết nên ghi nhận sự tự nguyện của anh chị.

[2.4] Về án phí: Anh N phải nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 143, 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

[2.5] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271, 272 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng:

- Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình.

- Điều 143, 147, 227, 267, 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của anh Đỗ Lưu N. Cho anh Đỗ Lưu N được ly hôn chị Nguyễn Thị N.

2. Về con chung: Giao các con chung là Đỗ Trang A, sinh ngày 16/12/2010 và Đỗ Hoàng Anh N, sinh ngày 20/11/2019 cho anh Đỗ Lưu N trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục; giao con chung là Đỗ Thị Kiều A, sinh ngày 11/11/2015 cho

chị Nguyễn Thị N trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục và tự các bên đảm nhiệm việc nuôi con đến khi con đủ 18 tuổi hoặc có quyết định có hiệu lực pháp luật khác của Tòa án thay thế.

Anh N, chị N được quyền thăm và chăm sóc con chung, không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, tài sản riêng, đất nông nghiệp, nợ chung, công sức đóng góp và: Ghi nhận sự tự nguyện của anh Đỗ Lưu N và chị Nguyễn Thị N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Anh Đỗ Lưu N phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Sóc Sơn, biên lai thu số: 0005896 ngày 03/4/2023.

5. Về quyền kháng cáo: Anh Đỗ Lưu N có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Chị Nguyễn Thị N có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự./.

Nơi nhận
- Đương sự;
- TAND. thành phố Hà Nội;
- VKSND. huyện Sóc Sơn;
- THA. huyện Sóc Sơn;
- UBND. xã Mai Đ, Sóc Sơn, Hà Nội (Giấy chứng nhận kết hôn số XX, ngày 22/01/2010);
- Lưu: HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Thúy Hồng